

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HƯNG YÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST

Ngày: 07-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phụng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Minh Viện và bà Bùi Thị Hoài Thanh;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phù Cù;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 03/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Viết T**, sinh năm 1991 tại thôn T, xã P, huyện P, tỉnh H; Nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện P, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Viết G và con bà: Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa; tiền án: Ngày 13/5/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 27/3/2014 bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 09/11/2017. Hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông Hoàng Ngọc L, sinh năm 1962; (vắng mặt)

+ Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Đều cùng địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1989; (vắng mặt)

+ Anh Phạm Quốc Đ1, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Đều cùng trú tại: Thôn G, xã H, huyện A, tỉnh H;

+ Anh Nguyễn Văn B , sinh năm 1974; (có mặt)

Trú tại: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H;

+ Anh Nguyễn Công V, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn L, xã H, huyện A, tỉnh H;

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Anh Mai Thanh X, sinh năm 1998; Trú tại: Thôn B, xã P, huyện P, tỉnh H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 04/5/2017, Nguyễn Viết T, đi bộ đến Chợ Đầu mối thuộc địa phận thôn Cao Xá, thị trấn Trần Cao chơi; khi đến Cửa hàng tạp hóa nhà vợ chồng ông Hoàng Ngọc L và bà Hoàng Thị X, thấy có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu sơn đen-xám, biển kiểm soát 89K2-6627 của vợ chồng ông L; T quan sát thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, nhìn vào trong cửa nhà ông L, bà X không có ai nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và điều khiển xe chạy ra đường 38B hướng về huyện Tiên Lữ. Khi đến khu vực vắng gần cầu Quán Đổ thuộc địa phận Khả Duy, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ; T dừng xe mở cốp xe kiểm tra thì thấy có một đăng ký xe biển kiểm soát 89K2-6627 mang tên bà Hoàng Thị X và 02 Giấy phép lái xe mang tên ông Hoàng Ngọc L và bà Hoàng Thị X. Sau đó T điều khiển xe mô tô đến nhà trọ của anh Đào Mạnh T2, sinh năm 1981 quê ở thôn Đ, xã C, huyện A, tỉnh H (anh T2 đang thuê trọ tại thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên), T nhờ T2 bán hộ chiếc xe trên; T2 đồng ý. Sau đó, T2 và T cùng điều khiển xe mô tô đến quán Internet nhà anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1989 ở thôn G, xã H, huyện A, tỉnh H. Khi đến gặp Đ thì T2 nói với Đ là “có chiếc xe muốn bán”, Đ hỏi nguồn gốc xe thì T nói là xe hợp pháp, mình mua lại có giấy tờ đầy đủ. T đưa đăng ký xe cho Đ xem, sau khi kiểm tra giấy tờ xe và ổ khóa điện không thấy có dấu hiệu đục phá và thấy xe đã cũ nên Đ trả T với giá 2.000.000 đồng. T đồng ý bán xe cho Đ với giá 2.000.000 đồng. Do xe có giá trị thấp nên hai bên không viết giấy mua bán xe. Số tiền bán xe T đã chi tiêu hết.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 04/5/2017, anh Đ cần tiền nên đưa xe và giấy đăng ký xe nhờ anh Phạm Quốc Đ1, sinh năm 1995 ở cùng thôn và anh Nguyễn Công V, sinh năm 1991 ở thôn L, xã H, huyện A, tỉnh H đi bán hộ. Đ1 và V nhờ anh Mai Thanh X, sinh năm 1998 ở Thôn B, xã P, huyện P, tỉnh H tìm chỗ bán xe hộ. Khi anh X hỏi nguồn gốc xe thì V nói xe hợp pháp, có giấy tờ đầy đủ. Sau đó X đồng ý và đưa V, Đ1 đến quán Bia của anh Nguyễn Văn B (tên gọi khác là H), sinh năm 1974 tại thôn Gia Cốc, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (Anh B có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H). Khi gặp anh B thì anh X có nói là bạn em có xe muốn

bán. Anh B hỏi nguồn gốc xe thì Đ1 nói là xe hợp pháp có giấy tờ đầy đủ và đưa cho anh B xem giấy đăng ký xe. Sau khi kiểm tra, anh B thỏa thuận mua xe với giá 5.000.000 đồng, Đ1 đồng ý; hai bên viết giấy tờ bán xe. Sau khi nhận tiền và giao xe thì V, Đ1 và X đi chơi, ăn tiêu hết số tiền 2.500.000 đồng. Đến khoảng 08 giờ ngày 05/5/2017, Đ1 và V về gặp và nói với Đ là bán xe được 5.000.000 đồng nhưng đã tiêu hết 2.500.000 đồng nên Đ1 đưa cho anh Đ số tiền 2.500.000 đồng. Anh Đ đã nhận tiền và không yêu cầu Đ1 phải trả số tiền đã tiêu.

Anh B sau khi mua được xe thì biết thông tin bà X bị mất chiếc xe mô tô có đặc điểm trùng khớp đã mua của Đ1 nên đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe cho Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cừ để điều tra.

Quá trình bắt bị cáo Nguyễn Viết T, cơ quan điều tra không thu giữ tài sản, vật chứng có liên quan đến vụ án. Đối với 02 Giấy phép lái xe mang tên ông L, bà X; T khai đã vứt đi nhưng không nhớ vị trí vứt nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng.

Kết luận định giá tài sản số 09/2017/KL-HĐ ngày 16/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phù Cừ kết luận: 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu đen-xám, biển kiểm soát 89K2-6627 trị giá 10.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 01/QĐ-VKS-HS ngày 02/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Viết T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Viết T (tên gọi khác: C) về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo từ 03 đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Phạm Văn Đ số tiền 2.000.000 đồng. Anh Phạm Văn Đ hoàn trả anh Phạm Quốc Đ1 số tiền 2.500.000 đồng, anh Đ1 hoàn trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 5.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Viết T thành khẩn nhận tội, tỏ thái độ ăn năn hối cải, đồng thời nhất trí với quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ.

Bị hại có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án - anh Nguyễn Văn B (H) đề nghị Tòa buộc anh Phạm Quốc Đ1 bồi hoàn số tiền 5.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và gửi lời xin lỗi tới gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cừ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp vật chứng thu giữ và Kết luận định giá tài sản. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 13 giờ ngày 04/5/2017, tại gia đình ông Hoàng Ngọc L và bà Hoàng Thị X ở Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H; Nguyễn Viết T đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu sơn đen- xám biển kiểm soát 89K2-6627 (trị giá 10.000.000 đồng). Bản án số 77/2014/HSST ngày 27/3/2014, của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử phạt bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 1999, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 04/12/2015 đến ngày 04/5/2017 bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Viết T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an ở địa phương; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, vì vậy cần phải đưa ra xét xử với mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có căn cứ, xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản bị cáo đã trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g và p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử nhưng không tự rút ra bài học, vì vậy lần xét xử này cần có mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết tiếp tục cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội và là người biết tuân thủ pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình, không có nguồn thu nhập, tài sản riêng, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu đen- xám biển kiểm soát 89K2-6627, 01 chìa khóa, 01 đăng ký xe mang tên bà Hoàng Thị X; Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật. Ông L, bà X không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phạm Quốc Đ1 sau khi bán xe cho anh B được số tiền 5.000.000 đồng đã chi tiêu hết 2.500.000 đồng và đưa số tiền còn lại là 2.500.000 đồng cho anh Phạm Văn Đ. Các giao dịch mua bán tài sản (là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89K2-6627) giữa bị cáo và anh Đ, giữa anh Đ1 và anh B đều không hợp pháp nên giao dịch là vô hiệu. Do vậy anh Nguyễn Văn B yêu cầu anh Phạm Quốc Đ1 bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Để giải quyết triệt để các vấn đề về trách nhiệm dân sự, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Văn Đ số tiền 2.000.000 đồng; anh Phạm Văn Đ phải hoàn trả anh Đ1 số tiền 2.500.000 đồng. Anh Phạm Quốc Đ1 phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 5.000.000 đồng theo đúng số tiền các bên đã nhận của nhau.

Các anh Nguyễn Công V, anh Mai Thanh X cùng Phạm Quốc Đ1 chi tiêu hết số tiền 2.500.000 đồng, nếu sau này anh Đ1 có yêu cầu anh V và anh X hoàn lại thì sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Đối với các hành vi của anh Nguyễn Văn B, anh Phạm Văn Đ, anh Đào Mạnh T2, anh Phạm Quốc Đ1, anh Nguyễn Công V và anh Mai Thanh X

khi mua xe và được nhờ đi bán xe đều không biết xe đó là do T trộm cắp mà có nên không xem xét, xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Văn Đ và anh Phạm Quốc Đ1 có nghĩa vụ hoàn trả tài sản phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Viết T (tên gọi khác là C) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T (tên gọi khác là C) 03 (ba) năm tù, thời hạn tính từ ngày 09/11/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự 1999; Buộc:

Bị cáo Nguyễn Viết T phải hoàn trả cho anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1989, trú tại Thôn G, xã H, huyện A, tỉnh H số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Anh Phạm Văn Đ phải hoàn trả cho anh Phạm Quốc Đ1, sinh năm 1995, trú tại Thôn G, xã H, huyện A, tỉnh H số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Anh Phạm Quốc Đ1 phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn B (tên gọi khác là H), sinh năm 1974, trú tại Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo, anh Đ, anh Đ1 không thi hành khoản tiền bồi thường thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Viết T phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn Đ và anh Phạm Quốc Đ1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; thời hạn kháng cáo của người có mặt kể từ ngày tuyên án; thời hạn kháng cáo của những người vắng

mặt tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có ql&nvlq đến vụ án;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;
- VKSND H. Phù Cừ; VKSND T. Hưng Yên;
- CQĐT & VP CA huyện Phù Cừ;
- Cơ quan THA Hình sự & Dân sự H. Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phụng